

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LÝ SƠN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST

ngày 01/09/2023

V/v "Ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con chung khi ly hôn"

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ SƠN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Thu.

**Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Mai Văn Lên

2. Ông Lê Văn Chính.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Thịnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Như Ý – Kiểm sát viên.

Ngày 01/09/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lý Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 09/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 04 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 01 tháng 08 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 18 tháng 08 năm 2023, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị L, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: Thôn Đông An V, huyện Lý S, tỉnh Quảng Ngãi, (có đơn xin xét xử vắng mặt).

**- Bị đơn:** Anh Phạm Văn A, sinh năm: 1988.

Địa chỉ: Thôn Đông An V, huyện Lý S, tỉnh Quảng Ngãi, (vắng mặt không có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn khởi kiện đề ngày 29/07/2022, qua bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày như sau:

Trước khi kết hôn chị L và anh Phạm Văn A có tìm hiểu nhau, sau đó cả hai tiến tới hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, đã tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã An V, huyện Lý S vào năm 2018. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung không mấy hạnh phúc nhưng có với nhau hai con chung. Đến năm 2020 anh A đã bỏ

nhà ra đi, không quan tâm đến gia đình. Nay xét thấy cuộc sống hôn nhân của vợ chồng đã rạn nứt, anh A không làm tròn nghĩa vụ của người chồng, mục đích hôn nhân không thể đạt được nên chị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn A.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Phạm Nguyễn Trường P, sinh ngày 24/01/2016 và cháu Phạm Nguyễn Ngọc Q, sinh ngày 24/02/2020, hiện cháu nay cháu P đang sống với anh A, còn cháu Q đang ở với chị L. Nếu ly hôn chị L yêu cầu được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Q và đồng ý giao cháu P cho anh A tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, tại bản tự khai bị đơn anh Phạm Văn A trình bày như sau:*

Về hôn nhân: A và chị L tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An V, huyện Lý Sơn vào năm 2018. Nay chị L yêu cầu ly hôn, anh A không đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị L.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Phạm Nguyễn Trường P, sinh ngày 24/01/2016 và cháu Phạm Nguyễn Ngọc Q, sinh ngày 24/02/2020. Anh Phạm Văn A không đồng ý với yêu cầu của chị L về vấn đề nuôi con chung và cũng không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung gồm: 01 xe honda trị giá 42.000.000đ, 01 dây chuyền vàng trị giá 7.000.000đ, 01 còng tay vàng trị giá 8.000.000đ, 02 chiếc nhẫn vàng trị giá 4.000.000đ, 01 chiếc nhẫn vàng đính hôn trị giá 1.000.000đ, 01 đôi bông tai vàng trị giá 2.000.000đ, 60.000.000đ tiền tàu, 16.000.000đ tiền đi biển, 56.000.000đ chị Lợi giữ. Tổng cộng 196.000.000đ (một trăm chín mươi sáu triệu đồng). Anh Phạm Văn A yêu cầu để lại tổng tài sản trên cho hai cháu P và Q.

Về nợ chung: Không có.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi:*

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; xác định đúng thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, thủ tục cấp, tổng đạt, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời gian chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu. Nguyên đơn thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn thực hiện không đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Phạm Văn A; giao cháu Phạm Nguyễn Trường P, sinh ngày 24/01/2016 cho anh Phạm Văn A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu Phạm Nguyễn Ngọc Q, sinh ngày 24/02/2020 cho

chị Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không bên nào yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xét

Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

[1.1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu ly hôn và giải quyết vấn đề về con chung đối với bị đơn anh Phạm Văn A, trú tại: Thôn Đông An V, huyện Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi. Ngày 05/04/2023, Tòa án nhân dân huyện Lý Sơn đã thụ lý giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát khi kiểm sát việc tuân theo pháp luật đã nhận xét Tòa án tiến hành đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, các đương sự cũng không có bất cứ khiếu nại, ý kiến gì về thủ tục tố tụng của Tòa án. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Lý Sơn đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền và thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

[1.2] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Phạm Văn A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị L và bị đơn anh Phạm Văn A.

[2] *Về nội dung vụ án:*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Văn A tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An V, huyện Lý Sơn năm 2018, là hôn nhân hợp pháp theo đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn: Theo trình bày của chị L cho rằng, trong quá trình chung sống mâu thuẫn vợ chồng phát sinh và anh A còn có hành vi bạo lực với chị L nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân của vợ chồng đã rạn nứt không thể hàn gắn được và không còn sống chung với nhau từ năm 2020 đến nay. Do đó, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh A. Về phía ý kiến anh Phạm Văn A là không đồng ý ly hôn với chị L nhưng không có trình bày ý kiến, quan điểm của mình về lý do sao không đồng ý ly hôn cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình. Tòa án cũng đã tiến hành xác minh, qua xác minh của Chi hội Phụ nữ Thôn Đông An V, huyện Lý Sơn cho rằng chị L, anh A từ khi kết hôn vợ chồng sống

hạnh phúc và có hai con chung, nhưng thời gian gần đây hai bên xảy ra mâu thuẫn, thường hay cãi vã nhau do quan điểm sống khác nhau, không đồng thuận trong cuộc sống nên phân ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai; hai bên không còn sống chung với nhau. Ngoài ra anh A còn thường hay ghen và dùng bạo lực với chị L. Do đó, cuộc hôn nhân này không thể hàn gắn được. Về phía Tòa án đã tổ chức kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng và hòa giải nhiều lần để hàn gắn hôn nhân nhưng anh A đều vắng mặt không có lý do, nghĩa là anh A mặc nhiên chấp nhận theo yêu cầu của chị L và đồng ý ly hôn với chị L chứ không muốn đoàn tụ. Từ những vấn đề nêu trên, Hội đồng xét xử xét mâu thuẫn giữa vợ chồng chị L và anh A là trầm trọng không thể hàn gắn được, vợ chồng đã không sống chung với nhau trong thời gian dài, không ai quan tâm đến ai nên tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị L.

[2.3] Về con chung: Có 02 con chung là cháu Phạm Nguyễn Trường P, sinh ngày 24/01/2016 và cháu Phạm Nguyễn Ngọc Q, sinh ngày 24/02/2020, hiện cháu nay cháu P đang ở với anh A, còn cháu Q đang ở với chị L. Nếu ly hôn chị L yêu cầu được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Q và đồng ý giao cháu P cho anh A chăm sóc, nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, anh A không đồng ý với yêu cầu của chị L. Tòa án đã lấy ý kiến của cháu P và nguyện vọng của cháu là tiếp tục sống với anh A. Tòa án đã tổ chức hòa giải nhiều lần nhưng anh A đều vắng mặt không có lý do và không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh việc mình không đồng ý yêu cầu về nuôi con chung của chị L. Mặt khác, qua xác minh của Chi hội Phụ nữ Thôn Đông An V cho rằng chị L, anh A đều có công việc, thu nhập ổn định nên giao cho mỗi bên nuôi mỗi cháu là phù hợp. Từ những vấn đề nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy chị L, anh A đều có việc làm và thu nhập ổn định, hiện tại cháu P (hơn 07 tuổi) đang ở với anh A và theo nguyện vọng của cháu P cũng mong muốn tiếp tục sống với anh A, còn cháu Q (hơn 03 tuổi) đang ở với chị L. Do đó, để đảm bảo cho cuộc sống các cháu diễn ra bình thường, tránh xáo trộn, nếu thay đổi môi trường sống khác sẽ làm ảnh hưởng đến tâm sinh lý các cháu nên việc giao con theo yêu cầu của chị L là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L về việc nuôi con chung, giao cháu P cho anh A tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Q cho chị L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con không bên nào yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.4] Về tài sản chung: Chị L trình bày không có tài sản chung, anh A trình bày có tài sản chung với tổng trị giá 196.000.000đ và có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung này (196.000.000đ) nhưng anh A không cung cấp cho Tòa án những tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình mặc dù Tòa án đã nhiều lần thông báo yêu cầu bị đơn bổ sung đơn khởi kiện và cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu trên, do đó Tòa án đã trả lại đơn khởi kiện cho anh A và

anh A cũng không có ý kiến gì về việc trả lại đơn. Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu tài sản chung của anh A.

[2.5] Về nợ chung: Hai bên trình bày không có nợ chung nên không xét.

[2.6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 203; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn*”

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Phạm Văn A.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Nguyễn Trường P, sinh ngày 24/01/2016 cho Anh Phạm Văn A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu Phạm Nguyễn Ngọc Q, sinh ngày 24/02/2020 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Văn A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở; đồng thời có nghĩa vụ tôn trọng quyền của các con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và được khấu trừ vào 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005253 ngày 05/04/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lý Sơn.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- TAND T. Quảng Ngãi;
- VKSND H. Lý Sơn;
- Chi cục THADS H. Lý Sơn;
- Phòng Tư pháp H. Lý Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

**Nguyễn Văn Thu**